TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUYÊN MỘC** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2021/HNGĐ-ST.
Ngày: 27/12/2021.
V/v tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Sương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Quốc Thanh

2. Ông Hà Danh Vượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Trang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 277/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2021 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngô Thị Thu T, sinh năm 1998. Địa chỉ: Tổ 2, ấp 6, xã HB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Nguyễn Thanh H, sinh năm 1994. Địa chỉ: Tổ 2, ấp 6, xã HB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/10/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Ngô Thị Thu T trình bày:

Về hôn nhân: Chị đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Thanh H vào ngày 22/06/2016 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Hôn nhân tự nguyện không có ai ép buộc. Vợ chồng chị chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng thường hay gây gỗ, anh H không lo lắng cho kinh tế gia đình, không lo cho vợ con. Vợ chồng chị không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, đã cùng nhau hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không thành. Hiện tại

chị và anh H sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay, không còn quan hệ gì về mặt tình cảm lẫn kinh tế. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh H.

Về nuôi con chung: Chị và anh H có một con chung là Nguyễn Ngô Ngọc H, sinh ngày 27/7/2016. Hiện nay con chung đang sống chị, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang làm thư ký cho xưởng gỗ Phạm Hồng Th xã HB, thu nhập trung bình mỗi tháng 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

Về chia tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, là đúng trình tự, thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án là chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung: Qua xem xét nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, bị đơn cư trú tại huyện XM, nên đây là tranh về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về việc xét xử vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị T và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 63/2016 ngày 22/6/2016, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Quá trình chung sống chị T và anh H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên gây gỗ, không hợp nhau, anh H không lo kinh tế gia đình, không chăm lo cho vợ con, hai vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không hàn gắn được. Nay vợ chồng chị T và anh H đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau về mọi mặt. Anh H đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt cho thấy anh H không có thiện chí muốn hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh H thể hiện: Trong thời gian chung sống chị T và anh H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Chị T và anh H bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, anh H không lo kinh tế trong gia đình, không chăm lo cho vợ con, gia đình hai bên đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh H vẫn không thay đổi.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thật sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, nên cần áp dụng Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị T và anh H có một con chung là Nguyễn Ngô Ngọc H, sinh ngày 27/7/2016, hiện nay đang sống với chị T. Chị T đang làm thư ký cho xưởng gỗ Phạm Hồng Th xã HB, thu nhập mỗi tháng 8.000.000đ (Tám triệu đồng). Xét thấy chị T có nơi ở, công việc và thu nhập ổn định, do đó để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con cần giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo sự phát triển toàn diện của con theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về chia tài sản: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 144, 147, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Ngô Thị Thu T ly hôn anh Nguyễn Thanh H.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Ngô Ngọc H, sinh ngày 27/7/20216 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu, Tòa án có thể xem xét quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Ngô Thị Thu T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí về ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0010552 ngày 25/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện XM, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Chị T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện XM;
- CCTHA Dân sự huyện XM;
- UBND xã HB, huyện XM;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ HẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thảo Sương